

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối ngày 30/09/2019	Số cuối ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.447.502.072	13.322.436.756
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	325.662.247	969.953.752
1. Tiền	111		325.662.247	969.953.752
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	6.851.831.712	7.026.928.470
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3.742.729.222	3.767.739.220
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.150.550.000	12.180.550.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.936.370.278	3.009.136.643
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.977.817.788)	(11.983.422.596)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	52.925.203
IV Hàng tồn kho	140	V.04	289.982.645	289.982.638
1. Hàng tồn kho	141		289.982.645	289.982.638
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.05	4.980.025.468	5.035.571.896
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.278.430	65.302.156
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.971.747.038	4.970.269.740
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.14	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.650.418.313	79.160.447.838
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.763.743.658	38.924.150.107
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	24.546.086.935	27.509.135.678
- Nguyên giá	222		94.275.768.901	94.421.641.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.729.681.966)	(66.912.506.223)
2. TSCĐ thuê Tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	11.217.656.723	11.415.014.429
- Nguyên giá	228		13.288.638.005	13.288.638.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.070.981.282)	(1.873.623.576)
III Bất động sản đầu tư	230-		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	23.676.160.127	23.676.160.127
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.737.000.000	23.737.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(60.839.873)	(60.839.873)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		16.210.514.528	16.560.137.604
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	16.210.514.528	16.560.137.604
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.097.920.385	92.482.884.594

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối ngày 30/09/2019	Số cuối ngày 01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		175.382.190.512	176.524.823.551
I. Nợ ngắn hạn	310		124.552.738.510	123.955.738.865
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	96.066.277.389	96.065.391.389
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.071.562.420	1.075.712.419
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.881.462.216	1.848.623.587
4. Phải trả người lao động	314	V.13	23.215.217	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	211.314.250	322.136.002
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		1	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	25.298.907.017	24.643.875.468
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	-	-
11. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		50.829.452.002	52.569.084.686
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	50.829.452.002	51.924.356.686
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	644.728.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(87.284.270.127)	(84.041.938.957)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	(87.284.270.127)	(84.041.938.957)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		132.000.000.000	132.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		132.000.000.000	132.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.172.336.200	26.172.336.200
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(245.456.606.327)	(242.214.275.157)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(242.214.275.153)	(236.873.586.342)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.242.331.174)	(5.340.688.815)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.097.920.385	92.482.884.594



NGÔ VĂN TRÍ
Lập biểu

TP Cao Lãnh, ngày 20 tháng 10 năm 2019



Đại diện theo ủy quyền số ..03../2019/GUQ

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

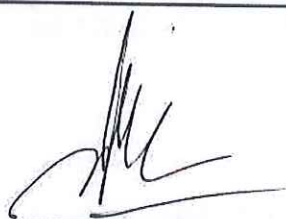
89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

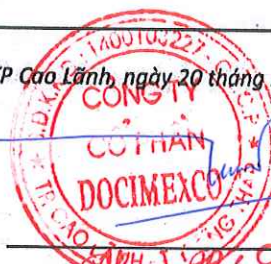
Đơn vị tính: VND

Stt	CHỈ TIÊU	Mã số	T.M	Quý 3		Lũy kế	
				Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	427.118.228	1.731.163.940	1.596.054.684	17.933.579.433
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02				9.375.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	427.118.228	1.731.163.940	1.596.054.684	17.924.204.433
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	965.660.280	2.419.768.032	3.201.007.136	15.413.146.105
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(538.542.052)	(688.604.092)	(1.604.952.452)	2.511.058.328
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	-	38.113	99.823.811	53.993.824
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	-	-	-	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	-	154.739.790	281.419.427	534.261.000
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	261.695.112	1.078.339.719	1.467.282.628	4.668.883.076
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(800.237.164)	(1.921.645.488)	(3.253.830.696)	(2.638.091.924)
11.	Thu nhập khác	31	VI.09	-	340	12.883.262	663.599.685
12.	Chi phí khác	32	VI.10	1.383.650	13.358.143	1.383.740	652.726.384
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.383.650)	(13.357.803)	11.499.522	10.873.301
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(801.620.814)	(1.935.003.291)	(3.242.331.174)	(2.627.218.623)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	-	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.12	-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(801.620.814)	(1.935.003.291)	(3.242.331.174)	(2.627.218.623)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(60,73)	(146,59)	(245,63)	(199,03)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					



NGÔ VĂN TRÍ
Lập biểu

TP Cao Lãnh, ngày 20 tháng 10 năm 2019



Đại diện theo ủy quyền số .../2019/GUQ

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

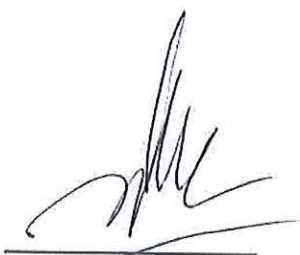
89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.242.331.170)	(2.140.101.105)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.160.406.449	3.172.552.223
Các khoản dự phòng	03	(5.604.808)	(8.975.807.654)
Lãi, lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	04	(568.291)	(526.395)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	44.072.025	3.242.520.565
Chi phí lãi vay	06	-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(44.025.795)	(4.701.362.366)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	153.769.723	13.573.796.628
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7)	3.414.228.996
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.142.633.039)	(31.244.976.921)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	406.646.802	511.406.921
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(626.242.316)	(18.446.906.742)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(145.873.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	28.000.000	13.932.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(9.002.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	15.040.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	99.255.520	13.433.452
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.617.480)	19.983.433.452
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(644.859.796)	1.536.526.710
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	969.953.752	1.303.836.296
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	568.291	526.395
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	325.662.247	2.840.889.401



NGÔ VĂN TRÍ
Lập biểu



TP. Cao Lãnh, ngày 20 tháng 10 năm 2019

Phan Bá Luận

Đại diện theo ủy quyền số ...03...../2019/GUQ

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Docimexco được chuyển đổi từ Công ty Thương nghiệp Xuất nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp theo Quyết định số 04/QĐ-UBND-TL ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc “Chuyển Công ty Thương nghiệp Xuất nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp thành công ty cổ phần”. Tên giao dịch quốc tế DONG THAP TRADING CORPORATION, viết tắt là DOCIMEXCO.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1400103227 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 07 năm 2007 và thay đổi lần thứ chín ngày 16 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: 89 Nguyễn Huệ, phường 1, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vốn điều lệ của Công ty là 132.000.000.000 đồng; tương đương 13.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 23/2011/QĐ-SGDHCM ngày 22 tháng 2 năm 2011 của HOSE với mã chứng khoán là FDG. Công ty bị hủy niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán từ ngày 15/05/2014 theo Thông báo số 445/TB-SGDHCM ngày 15/04/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã hoàn tất thủ tục giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom theo Quyết định số 494/QĐ-SGDHN ngày 09/08/2016. Ngày giao dịch đầu tiên 19/08/2016 theo thông báo số 786/TB-SGDHN ngày 09/08/2016.

Sản xuất, kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu phân bón, lương thực, nông lâm thủy hải sản...

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nhà máy chế biến lương thực Docifood 1 (Food 1)	Xã Tân Quy Tây, TP Sa Đéc, Đồng Tháp
Nhà máy chế biến lương thực Docifood 2 (Food 2)	Xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
Nhà máy chế biến lương thực Docifood 3 (Food 3)	44 Quốc lộ 80, ấp Thạnh Phú, xã Tân Bình, Châu Thành, Đồng Tháp
Nhà máy chế biến lương thực Docifood 6 (Food 6)	Ấp Rọc Muống, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, Đồng Tháp

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa

- Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp công với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	05 - 08 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Phần mềm vi tính	03 - 05 năm

6 Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí trong năm khi phát sinh.

9 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê tài sản, doanh thu của kỳ kế toán được xác định bằng tổng số tiền cho thuê tài sản chia cho số kỳ thu tiền trước.

11 Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp

Nguyên tắc phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ này được trích lập nhằm dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

13 Giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại

14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng, ghi nhận ngay các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho.

15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận đầy đủ chi phí lãi vay, lãi lỗ chênh lệch tỷ giá.

16 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Ghi nhận đầy đủ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

NG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	(a)	241.645.562	860.969.207
Tiền gửi ngân hàng	(b)	84.016.685	108.984.545
Các khoản tương đương tiền	(c)		
		325.662.247	969.953.752
3 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN		30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu khách hàng	(a)	3.742.729.222	3.767.739.220
Trả trước cho người bán	(b)	12.150.550.000	12.180.550.000
Các khoản phải thu khác	(c)	2.936.370.278	3.009.136.643
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(d)	(11.977.817.788)	(11.983.422.596)
Tài sản thiếu chờ xử lý	(e)		52.925.203
		6.851.831.712	7.026.928.470
(a) Chi tiết phải thu khách hàng như sau :		30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Hùng Hậu		3.727.729.220	3.727.729.220
Cửa Hàng gạo Hồng Hà		15.000.000	15.000.000
Bán lẻ khác		-	25.010.000
Chênh lệch		2	
		3.742.729.222	3.767.739.220
(b) Chi tiết trả trước cho người bán như sau :		30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
Công Ty TNHH Minh Hùng		4.754.000.000	4.754.000.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân Trung Nhứt (*)		6.840.000.000	6.840.000.000
CtyCP Tư vấn thiết kế & xây dựng Đồng Tháp		493.350.000	493.350.000
Khách hàng khác		63.200.000	93.200.000
		12.150.550.000	12.180.550.000
(*) Khoản ứng trước cho DNTN Trung Nhứt về tiền mua gạo, Công ty đã khởi kiện ra tòa án để thu hồi khoản này. Theo Quyết định số 04/2016/QĐST-KDTM ngày 25/03/2016 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ thì DNTN Trung Nhứt phải trả cho công ty số tiền gốc 6.840 tỷ và 2.039 tỷ tiền lãi phát sinh.			
(c) Chi tiết các khoản phải thu khác		30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
Công Ty Cổ Phần VINACONEX Sài Gòn		709.654.728	709.654.728
Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Tam Nông		79.316.622	79.316.622
Nguyễn Hoàng Giang		100.000.000	100.000.000
Trần Quốc Nam		1.228.136.917	1.228.136.917
Mai Tuyên		553.290.484	553.290.484

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019*

<i>Phải thu nhân viên đã nghỉ việc</i>		73.243.354	73.243.354
<i>Tạm ứng</i>		123.192.548	195.299.720
<i>Ký quỹ, ký cược</i>		64.535.625	64.535.625
<i>Phải thu khác</i>		5.000.000	5.659.193
		2.936.370.278	3.009.136.643
(d) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
<i>Công ty liên doanh Việt Nam- Đan Mạch</i>		(20.000.000)	(20.000.000)
<i>Công Ty Cổ Phần VINACONEX Sài Gòn</i>		(709.654.728)	(709.654.728)
<i>Doanh Nghiệp Tư Nhân Trung Nhứt</i>		(6.840.000.000)	(6.840.000.000)
<i>Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Hùng Hậu</i>		(3.727.729.222)	(3.727.729.222)
<i>Mai Tuyên</i>		(553.290.484)	(553.290.484)
<i>Nguyễn Hoàng Giang</i>		(100.000.000)	(100.000.000)
<i>Võ Ngọc Quang</i>		(11.943.354)	(11.943.354)
<i>Gan Phùng Mậu</i>		(15.200.000)	(15.200.000)
<i>Đặng Quang Trung</i>			(2.011.620)
<i>Huỳnh Quốc Tuấn</i>			(3.593.188)
		(11.977.817.788)	(11.983.422.596)
4 HÀNG TỒN KHO		30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
<i>Nguyên liệu, vật liệu</i>		11.866.963	11.866.963
<i>Bao bì luân chuyển</i>		252.548.323	252.548.316
<i>Thành phẩm</i>			
<i>Hàng hóa</i>		25.567.359	25.567.359
		289.982.645	289.982.638
5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC		30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	(a)	8.278.430	65.302.156
<i>Thuế GTGT được khấu trừ</i>	(b)	4.971.747.038	4.970.269.740
<i>Các khoản thuế phải thu nhà nước</i>	(c)		
		4.980.025.468	5.035.571.896
(a) Chi phí trả trước ngắn hạn		30/09/2019	01/01/2019
		VND	VND
<i>Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ</i>		6.820.610	17.134.700
<i>Chi phí sửa chữa TS chờ phân bổ</i>		1.300.000	8.993.390
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>		157.820	39.174.066
		8.278.430	65.302.156

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**# TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc TB</i>	<i>Phương tiện V1</i>	<i>Thiết bị DCQL</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	37.753.700.983	49.348.872.577	6.292.731.176	991.692.620	34.644.545	94.421.641.901
Mua trong kỳ						-
Tăng khác						-
Thanh lý, nhượng bán		145.873.000				145.873.000
Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	37.753.700.983	49.202.999.577	6.292.731.176	991.692.620	34.644.545	94.275.768.901
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	23.572.705.010	38.298.192.192	4.015.271.856	991.692.620	34.644.545	66.912.506.223
Khấu hao trong kỳ	541.813.554	2.073.442.843	347.792.346			2.963.048.743
Tăng khác						-
Thanh lý, nhượng bán		145.873.000				145.873.000
Giảm khác						-
số dư cuối kỳ	24.114.518.564	40.225.762.035	4.363.064.202	991.692.620	34.644.545	69.729.681.966
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	14.180.995.973	11.050.680.385	2.277.459.320	991.692.620	34.644.545	27.509.135.678
Tại ngày cuối kỳ	13.639.182.419	8.977.237.542	1.929.666.974	-		24.546.086.935

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Giấy phép nhượng</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	12.818.447.005		470.191.000	13.288.638.005
Mua trong kỳ				-
Tăng khác				-
Thanh lý, nhượng bán				-
Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ	12.818.447.005	-	470.191.000	13.288.638.005
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.403.432.576		470.191.000	1.873.623.576
Khấu hao trong kỳ	197.357.706			197.357.706
Tăng khác				-
Thanh lý, nhượng bán				-
Giảm khác				-
số dư cuối kỳ	1.600.790.282	-	470.191.000	2.070.981.282
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	11.415.014.429	-	-	11.415.014.429
Số dư cuối kỳ	11.217.656.723	-	-	11.217.656.723

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con		
Đầu tư vào đơn vị khác	23.737.000.000	23.737.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(60.839.873)	(60.839.873)
	23.676.160.127	23.676.160.127

	30/09/2019		01/01/2019	
	Gía gốc	Dự phòng	Gía gốc	Dự phòng
(a) Đầu tư vào công ty con CTCP DV Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp				
(b) Đầu tư vào đơn vị khác	23.737.000.000	(60.839.873)	23.737.000.000	(60.839.873)
-CTCP Du lịch Đồng Tháp	2.235.000.000		2.235.000.000	
-CTCP Nông nghiệp Tam Nông (*)	21.502.000.000	(60.839.873)	21.502.000.000	(60.839.873)
	23.737.000.000	(60.839.873)	23.737.000.000	(60.839.873)

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401188495 thay đổi lần thứ 7 ngày 15/10/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Tam Nông có vốn điều lệ 500 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Docimexco góp 5,1% vốn điều lệ tương ứng là 25,5 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty Cổ phần Docimexco đã góp 12.500.000.000 đồng. Ngày 02/05/2018, Công ty đã mua thêm phần giá vốn góp 6.017.193.800 VND tại Công ty Cổ phần Tam Nông của ông Nguyễn Quang Huy với giá trị chuyển nhượng là

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền thuê đất phải nộp một lần KCN sóng Hậu	16.210.514.528	16.552.990.187
Chi phí CCDC chờ phân bổ		
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ		
Chi phí khác		33.924.765
	16.210.514.528	16.560.137.604

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Hoàn Mỹ - Cơ Sở Nuôi Trồng Thủy Sản Tại Đồng Tháp	7.935.245.000	10.007.245.000
CTy TNHH Cơ Khí Đức Thành	1.585.325.000	2.285.325.000
Công Ty CP Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long	86.431.241.187	97.539.241.187
Khách hàng khác	114.466.202	(13.766.419.798)
	96.066.277.389	96.065.391.389

11 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

CTCP DV Phát Triển Nông Nghiệp		
Đồng Tháp	528.874.000	638.874.000
CT TNHH Lương Thực Minh Phát	276.850.000	339.000.000
Lê Văn Thạnh	28.000.000	
Doanh Nghiệp Tư Nhân Phước Cường	9.998.500	9.998.500
Công Ty TNHH Ngọc Diệp	66.841.377	66.841.377
Công Ty TNHH 01 Thành Viên Ngân Tài Sa Đéc	1.182.750	1.182.750
Công Ty TNHH sản xuất Thương Mại Thu Phương	5.761.250	5.761.250
Công Ty TNHH Nông Sản Hưng Long Miền Tây	841.440	841.440
Doanh Nghiệp Tư Nhân Thái Thị Thu Hạnh	6.686.900	6.686.900
CN CTCP Suna tại Cần Thơ	6.526.200	6.526.200
Khách hàng chung	140.000.000	
	1.071.562.417	1.075.712.419

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	30/09/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập cá nhân	169.671	169.670
Thuế TNDN	1.413.915.545	1.413.915.545
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	467.377.000	434.538.372
	1.881.462.216	1.848.623.587

	<u>Thuế TNCN</u>	<u>Thuế TNDN</u>	<u>Thuế nhà đất, tiền thuê đất</u>
<i>Số phải thu đầu năm</i>			
<i>Số phải nộp đầu năm</i>	169.671	1.413.915.545	434.538.372
<i>Số phải nộp trong năm</i>	339.342		47.754.628
<i>Số đã thực nộp trong năm</i>	339.342		14.916.000
<i>Số phải nộp cuối năm</i>	169.671	1.413.915.545	467.377.000

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN	30/09/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm trích trợ cấp mất việc Trần Quốc Nam	73.112.000	183.933.755
Trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng KCN Sông Hậu	138.202.250	138.202.247
	211.314.250	322.136.002

14 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC	30/09/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết;		7.278.251
- Phải trả Cty CP thức ăn chăn nuôi Việt Thắng	14.415.802.133	14.415.802.133
- Phải trả Cty cổ phần Hoàn Mỹ	2.714.822.879	2.714.822.879

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019*

- Phải trả lãi vay ngân hàng	7.216.879.247	7.216.879.247
- Ngân sách cấp XD hệ thống thoát nước mặt	644.728.000	644.728.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	139.220.000	139.220.000
-Trần Quốc Nam	71.025.168	71.025.168
-Kinh phí công đoàn BHXH, BHYT, BHTN	79.278.390	77.852.790
- Các khoản phải trả, phải nộp	16.156.200	16.156.200
	<u>995.000</u>	<u>995.000</u>
	<u>25.298.907.017</u>	<u>25.288.603.468</u>
15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN	30/09/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu nhận trước	50.829.452.002	51.924.356.686
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
	<u>50.829.452.002</u>	<u>51.924.356.686</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**16.VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm 2018	132.000.000.000	-	26.172.336.200	(236.873.586.342)	(78.701.250.142)
Lỗi trong năm trước				(5.340.688.815)	(5.340.688.815)
Khác					
Số dư cuối năm 2018	132.000.000.000		26.172.336.200	(242.214.275.157)	(82.628.023.412)
Số dư đầu năm 2019	132.000.000.000	-	26.172.336.200	(242.214.275.157)	(82.628.023.412)
Lỗi trong năm nay				(3.242.331.174)	(3.242.331.174)
Khác					
số dư cuối kỳ	132.000.000.000		26.172.336.200	(245.456.606.327)	(87.284.270.127)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2019	01/01/2019
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	132.000.000.000	132.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	132.000.000.000	132.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

	30/09/2019	01/01/2019
d) Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.200.000	13.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.200.000	13.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.200.000	13.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	13.200.000	13.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :10.000 VND		

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a. Tài sản thuê ngoài:

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại :

+ Quốc lộ 80, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp

+ Ấp Bình Hiệp, xã Bình Thạnh , huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

+ Ấp Tân Lợi B, xã Tân Quy Tây, TP.Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp

+ Ấp Rạch Muống, xã Tân Công Chí, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp

+Số 89 Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp

để làm nhà văn phòng và xây dựng nhà kho; nhà máy. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Nợ khó đòi đã xử lý	30/09/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Basa Mekong	879.097.358	879.097.358
Transport Service LLC	1.187.894.327	1.187.894.327
Vongo Fish, S.L	4.636.461.992	4.636.461.992
Nevi Fish BV	580.905.764	580.905.764
Các đối tượng khác	165.111.866	165.111.866
	<u>7.449.471.307</u>	<u>7.449.471.307</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 01/01/2019 đến 30/9/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/9/2018
	VND	
1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.596.054.684	17.933.579.433
Cộng	1.596.054.684	17.933.579.433
2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
+ Chiết khấu thương mại	-	9.375.000
Cộng	-	9.375.000
3 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
+Doanh thu thuần về bán hàng	-	-
+Doanh thu cung cấp DV: cho thuê đất, cơ sở hạ tầng	1.596.054.684	17.924.204.433
Cộng	1.596.054.684	17.924.204.433
4 GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
+Giá vốn hàng bán	3.201.007.136	15.413.146.105
Cộng	3.201.007.136	15.413.146.105
5 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
+Lãi tiền gửi ngân hàng	10.098	13.433.201
+Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong năm		
+Lãi bán hàng trả chậm, lãi ứng vốn		
+Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối	576.847	560.623
+Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	99.236.866	40.000.000
Cộng	99.823.811	53.993.824
6 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
+Chi phí lãi vay		
+Lỗ chênh lệch tỷ giá		
Cộng	-	-
7 CHI PHÍ BÁN HÀNG		
+ Chi phí nhân viên	199.391.974	390.996.060
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài		14.145.000
+ Chi phí vật liệu, bao bì		29.726.228
+ Chi phí khác	82.027.453	99.393.712
Cộng	281.419.427	534.261.000

8 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

- + Chi phí nhân viên
- + Chi phí khấu hao
- + Chi phí thuế, phí
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Chi phí khác

Cộng

Từ 01/01/2019 đến 30/9/2019 Từ 01/01/2018 đến 30/9/2018

VNDVND

657.022.995	1.060.601.373
647.288.424	954.207.419
3.000.000	3.000.000
338.000	34.161.821
159.633.209	2.616.912.463
1.467.282.628	4.668.883.076

9 THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC
- Thu bồi thường tổn thất
- Xử lý nợ phải trả
- Khoản thu khác
- Cộng**

Từ 01/01/2019 đến 30/9/2019 Từ 01/01/2018 đến 30/9/2018

VNDVND

	35.200.000
12.883.262	64.847.000
	563.552.685
12.883.262	663.599.685

10 CHI PHÍ KHÁC

- + Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- + Các khoản bị phạt;
- + Các khoản khác
- Cộng**

Từ 01/01/2019 đến 30/9/2019 Từ 01/01/2018 đến 30/9/2018

	5.829.000
1.383.740	646.897.384
1.383.740	652.726.384

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

89 Nguyễn Huệ, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

VII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
 2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:.....
 3. Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên).
- Cho đến ngày lập bảng kế toán, số dư liên quan đến các bên chủ yếu như sau:

Tên Công ty	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty cổ phần Đầu tư&Phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn	Phải thu	
		Phải thu khác	
		Phải trả	
		Phải trả khác	
Công ty cổ phần Nông Nghiệp Tam Nông	Công ty liên kết	Phải thu	
		Phải thu khác	79.316.622
		Phải trả	
		Phải trả khác	

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"(1): (xem trang số: 26)
5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
6. Thông tin về hoạt động liên tục:
7. Những thông tin khác:



NGÔ VĂN TRÍ
Lập biểu

TP Cao Lãnh, ngày 20 tháng 10 năm 2019



Đại diện theo ủy quyền số ...03.../2019/GUQ



Small red stamp or text located below the main circular stamp.